TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI BÌNH** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS - ST
Ngày 25 - 02 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh
Các hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST - HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2025/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, sinh ngày 14 tháng 01 năm 1985 tại Thái Bình. Nơi cư trú: Số nhà F, ngõ B, đường T, tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 (đã chết) và bà Nguyễn Thúy M; vợ: Bùi Thị Lan H; con: Có 01 con. Nhân thân: Bản án số 1073/HSST ngày 19/6/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội: Cưỡng đoạt tài sản. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, nộp tiền thu lợi bất chính ngày 19/9/2003. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/5/2004. Bản án số 36/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội: "Cố ý gây thương tích". Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 21/10/2020. Chấp hành xong án phạt tù ngày 07/01/2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2025 đến nay (có mặt).

2. Đỗ Thái H1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1987 tại Thái Bình. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà E. Đường N, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Nơi ở hiện nay: Số nhà G, đường L, tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn T2 và bà Đỗ Thị T3; vợ: Tạ Quỳnh T4; có 04 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2020; nhân thân: Bản án số 55/2019/HSST ngày 24/4/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: Đánh bạc. Chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm, phạt bổ sung ngày 08/01/2020, chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 24/4/2021; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/01/2025 đến nay (có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Đào Thị X, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Chỗ ở hiện nay: số nhà C, ngõ C, đường L, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

2. Chị Lã Thị Hải Y, sinh năm 1997.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

* Người làm chứng:

1. Chị Bùi Thị Lan H, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Số nhà F, ngõ B, đường T, tổ B, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

2. Anh Đào Huy T5, sinh năm 2005. Nơi cư trú: Xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đỗ Thái H1 và Trần Văn T là bạn bè với nhau, khoảng đầu tháng 7/2024, T có rủ H1 cho một số người mà T quen biết vay tiền bằng hình thức bốc bát họ để lấy tiền lãi, H1 đồng ý. H1 và T thống nhất với nhau tiền giải ngân cho người vay thì H1 sẽ đưa trực tiếp cho T hoặc chuyển khoản từ tài khoản 3409668839999 của H1 mở tại ngân hàng A đến hai tài khoản M1 số 96666251996 và 0946483796 của Bùi Thị Lan H (là vợ của T) để T giải ngân cho người vay. Lãi suất cho người vay sẽ giao động từ 5.000 đồng đến 8.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5% đến 292%/năm), thời hạn vay tuỳ theo bát họ từ 25 đến 40 ngày, người vay sẽ phải đóng lãi trước và hàng ngày phải đóng tiền gốc cho đến khi hết thời hạn vay.

Người vay tiền đóng tiền bát họ cho T bằng cách chuyển tiền trực tiếp hoặc chuyển khoản đến các tài khoản ngân hàng M1 số 96666251996 và 0946483796 của Bùi Thị Lan H, sinh năm 1996, trú cùng địa chỉ với T và tài khoản khoản ngân hàng M1 số 4222401062005 của Bùi Huy T6, sinh năm 2005 nhà ở xóm D, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định (là em vợ của T). Khi có người vay tiền thì T sẽ liên hệ với H1 để H1 chuyển tiền cho T.

Cách thức tính tiền lãi thu lợi bất chính như sau:

A = B - (20% x C x D)/365 + E.

Trong đó A là tiền lãi thu lợi bất chính, B là tiền lãi thu được của khoản vay, C là số ngày vay tiền, D là số tiền vay, 20% là phần trăm vay tối đa theo quy định của Bộ luật dân sự trên 1 năm, 365 là số ngày của 1 năm, E là phí hồ sơ.

Từ đầu tháng 7/2024 đến tháng 12/2024, H1 và T đã cho hai người vay cụ thể như sau:

1. Chị Lã Thị Hải Y, sinh năm 1997, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số B, đường T, phường N, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, nơi ở: số nhà A, đường N, phường P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. H1 và T cho vay 4 bát cụ thể:

- Bát thứ nhất: Ngày 22/8/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Ngoài ra chị Y còn phải đóng 200.000 đồng phí hồ sơ. Đến nay Y đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng và 200.000 đồng phí hồ sơ.

- Bát thứ hai: Ngày 30/9/2024 cho vay bát 10.000.000đ, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Ngoài ra chị Y còn phải đóng 200.000 đồng phí hồ sơ. Đến nay Y đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng và 200.000 đồng phí hồ sơ.

- Bát thứ ba: Ngày 11/11/2024 cho vay bát 10.000.000đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Ngoài ra chị Y còn phải đóng 200.000 đồng phí hồ sơ. Đến nay Y đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy

định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng và 200.000 đồng phí hồ sơ.

- Bát thứ bốn: Ngày 17/12/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000đ và nhận về 8.000.000đ. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Ngoài ra chị Y còn phải đóng 200.000đ phí hồ sơ. Đến nay Y đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng và 200.000 đồng phí hồ sơ.

Trần Văn T và Đỗ Thái H1 đã cho chị Lã Thị Hải Y vay tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 8.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 876.712 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 7.123.288 đồng và 800.000 đồng phí hồ sơ.

2. Chị Đào Thị X, sinh năm 1974, trú tại số nhà C, ngõ C, đường L, tổ A, phường K, thành phố T, tỉnh Thái Bình. H1 và T cho vay 13 bát, cụ thể:

- Bát thứ nhất: Ngày 12/7/2024 cho vay bát 10.000.000đ, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ hai: Ngày 13/7/2024 cho vay bát 5.000.000đ, lãi suất 8.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 292%/năm), thời hạn vay 25 ngày, đóng lãi trước 1.000.000 đồng và nhận về 4.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 200.000 đồng trong vòng 25 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 68.493 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 931.507 đồng.

- Bát thứ ba: Ngày 16/7/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000đ trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ bốn: Ngày 14/8/2024 cho vay bát 10.000.000đ, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40

ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ năm: Ngày 20/8/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ sáu: Ngày 18/9/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ bảy: Ngày 19/9/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ tám: Ngày 17/10/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ chín: Ngày 20/10/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi

được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ mười: Ngày 13/11/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ mười một: Ngày 14/11/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng.. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ mười hai: Ngày 08/12/2024 cho vay bát 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 2.000.000 đồng và nhận về 8.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 250.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 2.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 219.178 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 1.780.822 đồng.

- Bát thứ mười ba: Ngày 24/12/2024 cho vay bát 20.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5%/năm), thời hạn vay 40 ngày, đóng lãi trước 4.000.000 đồng và nhận về 16.000.000 đồng. Hàng ngày phải đóng 500.000 đồng trong vòng 40 ngày. Đối với bát vay này là Xuân đáo trước hạn hai bát vay vào ngày 14/11/2024 và 08/12/2024 vay bát mới 20.000.000 đồng để trả tiền còn thiếu ở hai bát vay trước. H1 chuyển tiền mặt trực tiếp cho T 4.500.000 đồng, T đã đưa cho X 4.500.000 đồng vay. Đến nay X đã thanh toán hết cả gốc lẫn lãi của khoản vay này. Số tiền lãi đã thu là 4.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 438.356 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 3.561.644 đồng.

Trần Văn T và Đỗ Thái H1 đã cho chị Đỗ Thị X1 vay tổng số tiền là 135.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi đã thu là 27.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 2.917.808 đồng. Số tiền thu lợi bất chính là 24.082.192 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ ngày 12/7/2024 đến ngày 24/12/2024, Trần Văn T cùng Đỗ Thái H1 đã sử dụng tổng số tiền 175.000.000 đồng để cho chị Đào Thị X và chị Lã Thị Hải Y vay với mức lãi suất từ 5.000

đồng/triệu/ngày đến 8.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5% đến 292%/năm). Số tiền lãi đã thu là 35.000.000 đồng, số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.794.521 đồng. Số tiền thu lợi bất chính 31.205.479 đồng và 800.000 đồng phí hồ sơ. Số tiền thu lợi bất chính T và H1 chia đôi và chi tiêu cá nhân hết.

Tại phiên Tòa các bị cáo T, H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 28/CT- VKSTPTB ngày 22/01/2025, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố bị cáo truy tố các bị cáo Trần Văn T, Đỗ Thái H1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên Tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội danh và điều luật như bản cáo trạng số 28/CT- VKSTPTB và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đỗ Thái H1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51 (khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo T); Điều 35; Điều 50; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T, H1, xử phạt bị cáo Trần Văn T 60.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước, Xử phạt bị cáo Đỗ Thái H1 55.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho cả hai bị cáo. Ngoài ra còn đề nghị biện pháp tư pháp và nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo T, H1 đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo T, H1 nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên,Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Các bị cáo, người chứng kiến không khiếu nại hay có ý kiến gì nên các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án này là hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên Tòa phù hợp với lời khai trong giai đoạn điều tra, truy tố và phù hợp với các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như:

Đơn tố giác tội phạm của công dân khuyết danh đề ngày 25/12/2024; biên bản về việc mở hòm thư tố giác tội phạm hồi 08 giờ ngày 25/12/2024 tại Công an thành phố T, tỉnh Thái Bình; 02 giấy vay tiền của Lã Thị Hải Y, Đào Thị X; bản sao kê tài khoản ngân hàng của Đỗ Thái H1; bản sao kê tài khoản ngân hàng của Trần Văn T; bản sao kê tài khoản ngân hàng của chị Bùi Thị Lan H; bản sao kê tài khoản ngân hàng của anh Bùi Huy T6; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Lã Thị Hải Y, chị Đào Thị X; lời khai của hai người làm chứng chị Bùi Thị Lan H, anh Đào Huy T5 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ và nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 12/7/2024 đến ngày 24/12/2024, Trần Văn T cùng Đỗ Thái H1 đã sử dụng tổng số tiền 175.000.000 đồng để cho chị Đào Thị X và chị Lã Thị Hải Y vay với mức lãi suất từ 5.000 đồng/triệu/ngày đến 8.000 đồng/triệu/ngày (tương đương với mức lãi suất 182,5% đến 292%/năm) để thu số tiền lãi là 35.000.000 đồng, trong đó số tiền lãi được phép thu theo quy định của Bộ luật Dân sự là 3.794.521 đồng, số tiền thu lợi bất chính 31.205.479 đồng và 800.000 đồng phí hồ sơ.

Điều 201. Tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. *1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm...3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*

[3]. Đánh giá tính chất mức độ hậu quả hành vi phạm tội và vai trò của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ làm ảnh hưởng đến thị trường tín dụng, ảnh hưởng đến quyền lợi của công dân. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng, là người trực tiếp cho những người liên quan vay tiền, cắt tiền lãi; bị cáo Đỗ Thái H1 là người trực tiếp bỏ tiền ra để bị cáo T cho người khác vay. do đó hai bị cáo T, Hà giữ vai trò ngang nhau trong vụ án nên hành vi của bị cáo T, H1 đã phạm tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật

Hình sự. Các bị cáo khai báo thành khẩn, các bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả trả lại số tiền thu lời bất chính cho người liên quan; nộp một phần số tiền dùng vào việc phạm tội tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình nên cả hai bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bố đẻ bị cáo T là thương binh hạng 2/4 nên bị cáo T được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Hình phạt chính: Xem xét đến tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội cũng như tình tiết tăng nặng giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo khi quyết định hình phạt thấy: Cả hai Bị cáo T, H1 có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nơi cư trú rõ ràng, có thu thập để đảm bảo cho việc thi hành án nên áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự phạt tiền đối với hai bị cáo T, H1 là phù hợp với tính chất mức độ và hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Hình phạt bổ sung: Do đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với hai bị cáo nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với hai bị cáo.

[7]. Về biện pháp tư pháp:

[7.1]. Bị cáo Trần Văn T và Đỗ Thái H1 tự nguyện trả lại số tiền thu lợi bất chính 7.123.288 + 800.000 đồng phí hồ sơ = 7.923.288 đồng cho chị Y và số tiền thu lợi bất chính 24.082.192 đồng cho chị X, chị Y và chị X đã nhận đủ tiền và không có ý kiến gì nên ghi nhận sự tự nguyện này .

[7.2]. Truy thu của bị cáo Đỗ Thái H1 175.000.000 đồng là khoản tiền gốc mà chị X, chị Y đã trả cho bị cáo H1 và truy thu của bị cáo H1, T 20% lãi suất theo quy định của pháp luật là: 3.794.521 đồng. Tổng số tiền là 178.794.521 đồng. Đối trừ số tiền các bị cáo đã nộp 73.000.000 đồng tại Biên lai số 0000835 ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, các bị cáo còn phải nộp 105.794.521 đồng, bị cáo H1 phải nộp tiếp 103.897.260 đồng sung quỹ Nhà nước; bị cáo T phải nộp tiếp 1.897.261 đồng sung quỹ Nhà nước.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 12 Pro max, màu trắng của Trần Văn T và chiếc điện thoại Iphone X màu đen Đỗ Thái H1 sử dụng để thực hiện giao dịch cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. H1, T khai đã bán cho cửa hàng mua bán điện thoại không nhớ địa chỉ cụ thể ở thành phố Hà Nội, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không thu giữ được 02 chiếc điện thoại trên.

[9]. Các vấn đề khác của vụ án: Đối với chị Bùi Thị Lan H và anh Bùi Huy T6 được T nhờ nhận và chuyển khoản tiền, chị H và anh T6 đều không biết tiền nhận và chuyển khoản hộ T là tiền liên quan đến hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố T không có hình thức xử lý đối với chị H và anh T6.

[10]. Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[11]. Các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự (khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T). Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đỗ Thái H1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

2.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Thái H1 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) sung ngân sách Nhà nước.

3. Về biện pháp tư pháp:

3.1. Chấp nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Văn T và Đỗ Thái H1 trả lại số tiền thu lợi bất chính là 7.923.288 đồng cho chị Y và số tiền thu lợi bất chính là 24.082.192 cho chị X.

3.2. Truy thu của bị cáo Đỗ Thái H1 175.000.000 đồng là khoản tiền gốc mà chị X, chị Y đã trả cho bị cáo H1 và truy thu của bị cáo H1, T 20% lãi suất theo quy định của pháp luật là: 3.794.521 đồng. Tổng số tiền là 178.794.521 đồng. Đối trừ số tiền các bị cáo đã nộp 73.000.000 đồng tại Biên lai số 0000835 ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, các bị cáo còn phải nộp 105.794.521 đồng, bị cáo H1 phải nộp tiếp 103.897.260 đồng (Một trăm linh ba triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi đồng) sung quỹ Nhà nước; bị cáo T phải nộp tiếp 1.897.261 đồng (Một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn hai trăm sáu mươi mốt đồng) sung quỹ Nhà nước.

4. Án phí: Buộc các bị cáo Trần Văn T, Đỗ Thái H1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo T, H1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 25/02/2025. chị X, chị Y vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp

của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị T7

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh TB;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Thái Bình;
- Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Bị cáo
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh